

Số: /STC-NS

Trà Vinh, ngày tháng 6 năm 2023

V/v hướng dẫn lập dự toán NSNN
năm 2024 và kế hoạch tài chính -
NSNN 03 năm 2024-2026

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Để đảm bảo kịp thời công tác lập dự toán NSNN năm 2024 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 báo cáo UBND tỉnh trình Thường trực HĐND để báo cáo Bộ Tài chính theo đúng thời gian quy định. Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương căn cứ các nội dung hướng dẫn tại: Nghị định số 31/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 342/2016/TT-BTC, Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính để đánh giá kết quả thực hiện dự toán NSNN năm 2023 và lập dự toán NSNN năm 2024, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 sát với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương theo những nội dung chủ yếu như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2023

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

Đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thực hiện thu NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến khả năng thực hiện 6 tháng cuối năm 2023, trong đó tập trung làm rõ những thuận lợi, khó khăn; kiến nghị các giải pháp nhằm phấn đấu hoàn thành cao nhất dự toán thu NSNN được HĐND các cấp quyết định. Khi đánh giá cần tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động đến tăng, giảm thu NSNN năm 2023:

- Những thuận lợi, khó khăn và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các nhân tố tác động khác đến hoạt động sản xuất-kinh doanh,...những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu để cải thiện môi trường kinh doanh

- Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, gia hạn thời gian nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023 theo Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ.

b) Đánh giá tình hình thanh tra, kiểm tra và xử lý thu hồi nợ đọng thuế:

- Kết quả thực hiện công tác đôn đốc, thu hồi nợ đọng thuế trong 6 tháng đầu năm 2023, dự kiến kết quả thu hồi nợ đọng thuế rong các tháng cuối năm 2023 (so với kế hoạch được giao), và ước tổng số tiền nợ thuế đến 31/12/2023.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, cơ quan Thanh tra, quyết định truy thu của cơ quan thuế trong việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

c) Đánh giá tình hình hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) và dự kiến số kinh phí hoàn thuế thực hiện trong năm 2023 trên cơ sở đúng chính sách chế độ và phù hợp với thực tế phát sinh; các khoản tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo quy định pháp luật,... Những vướng mắc, khó khăn; kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách.

d) Tình hình thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất); tình hình thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

e) Đối với các cơ quan, đơn vị được giao thu phí, lệ phí và đơn vị SNCL có nguồn thu: thực hiện đánh giá kết quả thu phí và lệ phí, thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí).

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi NSDP

2.1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển (ĐTPT):

Thực hiện theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1015/SKHĐT-ĐT ngày 01/6/2023, tập trung đánh giá các nội dung chủ yếu sau:

a) Tình hình phân bổ và giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ĐTPT năm 2023 chi tiết theo từng lĩnh vực chi (bao gồm cả nguồn NSNN, trái phiếu chính phủ, nguồn vay và các nguồn vốn khác): Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách; kiến nghị trong tổ chức thực hiện.

b) Việc thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPT theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội

c) Chi ĐTPT từ nguồn chi cân đối NSDP (bao gồm cả chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2022 theo quy định): Đánh giá tình hình giải ngân vốn đến hết tháng 6/2023; dự kiến khả năng thực hiện đến hết ngày 31/12/2023 chi tiết theo từng nguồn vốn (Nguồn vốn NSDP, nguồn vốn NSTW hỗ trợ có mục tiêu từ vốn trong nước, vốn ngoài nước; có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, kế hoạch vốn năm 2023, kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2023, kèm theo thuyết minh).

d) Đối với chi ĐTPT từ nguồn thu bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền và chuyển mục đích sử dụng đất: báo cáo tình hình thu, nộp ngân sách và việc thực hiện dự toán chi ĐTPT năm 2023 từ nguồn thu này.

đ) Đánh giá tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có). Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và số vốn đầu tư công còn lại chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền

phê duyệt; số dự án sử dụng vốn đầu tư công đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2023, dự kiến đến hết năm 2023; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên:

Tình hình phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2023 theo từng lĩnh vực chi được giao. Cụ thể:

a) Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, xác định những nội dung chồng chéo, trùng lặp để kiến nghị lồng ghép hoặc bãi bỏ các chế độ, chính sách không phù hợp với thực tế. Báo cáo chi tiết số đối tượng hưởng, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ từng chế độ, chính sách tính theo mức lương cơ sở 1,49trđ/tháng của 6 tháng đầu năm 2023 và mức 1,8 trđ/tháng cho 6 tháng cuối năm 2023): nhu cầu kinh phí, số đã bố trí trong cân đối và bổ sung có mục tiêu trong dự toán năm 2023 từ nguồn ngân sách tỉnh, nguồn khác của đơn vị, địa phương (nếu có); kinh phí thừa, thiếu. Lưu ý: đánh giá tác động của các chính sách mới có hiệu lực như chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ; chính sách Bảo hiểm y tế đối với các đối tượng được NSNN hỗ trợ khi thực hiện theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,... cùng với các chính sách do HĐND tỉnh ban hành (*theo Biểu số 01 đính kèm*).

b) Báo cáo tình hình thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 (*theo Biểu 02a đính kèm*)

c) Tình hình, kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo quy định.

d) Tình hình, kết quả thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ (trong đó: đánh giá số giảm chi từ NSNN đối với đơn vị sự nghiệp theo từng lĩnh vực: sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục-đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, sự nghiệp kinh tế...) và việc sử dụng số kinh phí NSNN dành ra từ việc nâng cao tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp; các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

đ) Tình hình thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính ủa đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 78/2022/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

e) Kết quả thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2023 từ nguồn thu phí và thu sự nghiệp công được để lại; nguồn hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị theo quy định, chi tiết từng lĩnh vực chi.

g) Các địa phương đánh giá cụ thể việc bố trí ngân sách (bao gồm cả số ngân sách tỉnh bổ sung mục tiêu cho NSDP) và sử dụng dự phòng NSDP thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch

bệnh; tình hình sử dụng dự phòng NSDP 6 năm đầu năm, ước thực hiện cả năm 2023 (chi tiết tình hình thực hiện hỗ trợ kinh phí chống hạn hán, xâm nhập mặn, thiên tai, dịch bệnh,...). Khả năng cân đối NSDP so với dự toán, các biện pháp để đảm bảo cân đối ngân sách trong trường hợp dự kiến bị hụt thu trong năm 2023.

2.3. Đánh giá kế hoạch tài chính của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2023:

Các Sở, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố được giao quản lý các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu, chi và các nhiệm vụ được giao 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2023; các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý.

2.4. Đánh giá tình hình thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình mục tiêu, dự án khác:

Đánh giá việc phân bổ dự toán năm 2023 đối với từng CT.MTQG, chương trình mục tiêu, dự án khác và khả năng thực hiện năm 2023: chi tiết đối với từng nguồn NSTW, NSDP, nguồn vốn ĐTPT, nguồn chi thường xuyên, nguồn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác. Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

Đối với các chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước: Đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2023 theo Hiệp định, Thỏa thuận đã ký kết chi tiết theo từng nguồn vốn (vốn vay ODA, vốn cấp phát của Chính phủ); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị.

2.5. Tình hình vay nợ và trả nợ các khoản vay của địa phương (theo Biểu số 03 đính kèm).

II. LẬP DỰ TOÁN NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2024-2026

Dự toán NSNN năm 2024 và Kế hoạch tài chính- NSNN 03 năm 2024-2026 được lập theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn của Trung ương và địa phương. Theo những nội dung chủ yếu sau:

1. Lập dự toán thu NSNN năm 2024

Các địa phương lập dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2024 đảm bảo đúng quy định về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ % phân chia cho từng cấp ngân sách theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh và Nghị quyết sửa đổi, bổ sung có liên quan. Tổng hợp đầy đủ các nguồn thu phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn) theo các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Phần đầu dự toán thu nội địa năm 2024 (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết; thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế) tăng 5-7% so với ước thực hiện

năm 2023. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân khoảng 4-6% so với ước thực hiện năm 2023.¹

b) Về số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản:

- Đối với trường hợp giấy phép khai thác do cơ quan trung ương cấp: thực hiện phân chia 70% số thu cho NSTW, 30% cho NSDP.

- Đối với trường hợp giấy phép khai thác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp: thực hiện để lại 100% cho NSDP.

c) Dự toán toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (bao gồm cả nhà, đất), số thu từ cho thuê khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan); thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (nếu có) được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

d) Việc lập dự toán thu phải gắn với việc tăng cường quản lý thu, đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, giám sát hoàn thuế GTGT, tăng cường giám sát, quản lý, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ; các nguồn thu từ việc thực hiện kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra.

đ) Dự toán các khoản thu phí, lệ phí (thuộc danh mục quy định của Luật phí và lệ phí) tích cực, chi tiết theo từng khoản thu theo quy định.

e) Đối với khoản thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu hợp pháp khác được để lại cho cơ quan, đơn vị sử dụng theo quy định không tổng hợp vào dự toán thu NSNN của địa phương; nhưng các cơ quan, đơn vị phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

g) Đối với các khoản thu viện trợ không hoàn lại và thu viện trợ kèm theo khoản vay: Căn cứ các hiệp định, thỏa thuận viện trợ ODA và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức đã và đang thực hiện; các thỏa thuận đã và sẽ được ký kết, triển khai từ năm 2024; các Sở ngành tỉnh, địa phương có liên quan lập dự toán thu viện trợ không hoàn lại, thu viện trợ kèm theo khoản vay năm 2024 đối với các dự án do đơn vị, địa phương minh đề xuất phù hợp với các hiệp định, thỏa thuận đã ký kết và sát thực tiễn.

2. Lập dự toán chi NSDP năm 2024

Lập dự toán chi NSDP năm 2024 theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, các Luật có liên quan; các quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 29/6/2021 của HĐND tỉnh Trà Vinh; chi thường xuyên đảm bảo đúng quy

¹ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Trà Vinh và Nghị quyết sửa đổi, bổ sung có liên quan; Kế hoạch tài chính 05 năm địa phương giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 về phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

a) Dự toán chi đầu tư phát triển (ĐTPT):

- Dự toán chi ĐTPT trong cân đối ngân sách: dựa trên cơ sở ước thực hiện năm 2023, sát với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, có sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên. Mức bố trí vốn cho từng nhiệm vụ phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án, trong đó xác định cụ thể mức vốn cho Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án quan trọng; bảo đảm phân bổ, giao chi tiết cho dự án trước ngày 31/12/2023 để khắc phục tình trạng chậm phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án.

- Bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ quy hoạch theo Luật Quy hoạch và các dự án đầu tư chuyển tiếp cần tiếp tục thực hiện giai đoạn 2024-2025 (nếu có).

- Tiếp tục sử dụng toàn bộ nguồn thu từ xổ số kiến thiết cho ĐTPT, trong đó ưu tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề (bao gồm cả mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông).

- Việc bố trí kế hoạch vốn ngoài nước: phải phù hợp với nội dung của Hiệp định vay vốn nước ngoài; ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc năm 2024.

b) Dự toán chi thường xuyên:

- Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương căn cứ định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; lập dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên được quy định tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Trà Vinh; đảm bảo đúng chính sách, chế độ; đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng.

- Đối với các chế độ, chính sách: Lập dự toán chi tiết theo số đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện từng chế độ, chính sách nhằm đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ quan trọng; thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước ban hành.

- Dự toán chi thường xuyên phải đảm bảo triệt để tiết kiệm. Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ theo quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành. Không bố trí chi thường xuyên cho các nhiệm vụ mới cải tạo, nâng cấp, mở rộng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

- Dự toán chi thường xuyên của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể tính theo biên chế được giao năm 2023 (khi có Quyết định giao biên chế năm 2024 của cấp có thẩm quyền sẽ điều chỉnh dự toán); đảm bảo tiết kiệm, tiết giảm các nhiệm vụ chi chưa thật sự cấp bách như: đoàn ra, đoàn vào, khánh tiết, hội thảo, hội nghị; hạn chế tối đa mua sắm xe ô-tô công và trang thiết bị đắt tiền.

- Dự toán chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập dựa trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập và quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Thông tư số 56/2022/TT-BTC.

- Đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp biên chế thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND.

- Dự toán các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Các Sở, ban, ngành tỉnh; địa phương được giao quản lý các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải lập báo cáo tình hình thu, chi tài chính năm 2023 và dự kiến kế hoạch thu, chi tài chính năm 2024 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý.

c) Dự toán liên quan đến việc điều chỉnh mức lương cơ sở: năm 2024, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định (*theo Biểu số 02b đính kèm*).

3. Lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026

a) Lập kế hoạch thu NSNN 03 năm 2024-2026:

- Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2024-2026 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2023-2025; dự toán thu NSNN năm 2024 và mức tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2025, năm 2026; đảm bảo nguyên tắc các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối NSNN theo quy định của Luật NSNN. Phấn đấu tốc độ tăng thu nội địa bình quân cả tỉnh (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết) năm 2024 tối thiểu là 5% so với đánh giá ước thực hiện năm 2023. Mức tăng thu cụ thể của từng địa phương có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức bình quân chung; tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với từng địa bàn.

- Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định, các Sở, ngành tỉnh và địa phương căn cứ số dự kiến thu năm 2024 để lập kế hoạch thu cho năm 2025, năm 2026 phù hợp, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN) theo quy định và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phân phí, lệ phí nộp NSNN.

- Đối với các khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế, thu dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ không thuộc nguồn thu NSNN, các Sở, ngành tỉnh, địa phương có liên quan lập kế hoạch thu và xây dựng phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định; gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định..

b) Lập kế hoạch chi NSNN 03 năm 2024-2026 của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh:

Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2023-2025 của các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025, trong đó thuyết minh cụ thể về mức tăng, giảm đối với từng lĩnh vực chi; Cụ thể:

- Lập kế hoạch chi ĐTPT căn cứ vào tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư chuyển tiếp (nếu có) đã được phê duyệt chủ trương, quyết định đầu tư; gắn với định hướng các mục tiêu chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực, các định hướng đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội theo các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh.

- Lập kế hoạch chi thường xuyên chi tiết theo việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách, chế độ còn hiệu lực/hết hiệu lực; các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách mới đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Lập kế hoạch chi từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài tiếp tục theo các Hiệp định, thỏa thuận vay và cơ chế tài chính đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Việc tổ chức công tác tổng hợp báo cáo đánh giá thực hiện và lập dự toán NSNN năm 2024, kế hoạch tài chính-NSNN 03 năm 2024-2026 theo đúng quy định của Luật NSNN 2015, Luật Đầu tư công, các văn bản QPPL có liên quan và hướng dẫn tại Công văn này.

2. Biểu mẫu lập dự toán NSNN năm 2024 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026:

Các Sở, ban, ngành tỉnh; các huyện, thị xã và thành phố thực hiện báo cáo theo Biểu mẫu bổ sung theo Công văn này và Biểu mẫu theo quy định của Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016, Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017; gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 15 tháng 7 năm 2023**.

(Đính kèm Danh mục Biểu mẫu lập dự toán áp dụng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương và các file Excel Biểu mẫu lập dự toán ngân sách)

Trong quá trình lập dự toán NSNN năm 2024 và Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026; nếu có phát sinh vướng mắc đề nghị các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố phản ảnh về Sở Tài chính để kịp thời hướng dẫn, xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục thuế tỉnh; Sở KH&ĐT (phối hợp)
- Bảo hiểm xã hội;
- Phòng TC-KH huyện, TX, TP;
- Ban GD Sở;
- Phòng ĐT, TC-HCSN, TCDN&THTK;
- Đăng trang TTĐT Sở TC (kèm biểu mẫu);
- Lưu: VT, NS.

GIÁM ĐỐC

Tiêu Thanh Tân